

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2946 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
Nâng cấp văn phòng tổ đồng quản lý và hệ thống chiếu sáng tại bến cá
thuộc Dự án: “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững”, vay vốn WB

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Hiệp định số 5113-VN được ký ngày 09/8/2012 giữa Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Số 1188/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2016 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ xây dựng mô hình đồng quản lý cho các tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ thuộc Hợp phần C; số 3319/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu 18 tháng, dự án “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững” vay vốn WB;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 115/TTr-SNN&PTNT ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp văn phòng tổ đồng quản lý và hệ thống chiếu sáng tại bến cá thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững, vốn vay WB, kèm theo Công văn số 3984/SXD-HĐXD ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp văn phòng tổ đồng quản lý và hệ thống chiếu sáng tại bến cá cho 4 tổ đồng quản lý Ngư Hưng, Minh Hải, Hoàng Phụ, Thanh Hải Tiến thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hóa, vốn vay WB,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Nâng cấp văn phòng tổ đồng quản lý và hệ thống chiếu sáng tại bến cá thuộc dự án: “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững”, vay vốn WB, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp văn phòng tổ đồng quản lý và nâng cấp hệ thống chiếu sáng tại nơi lên cá cho 4 tổ đồng quản lý Ngư Hưng, Minh Hải, Hoàng Phú, Thanh Hải Tiến.

2. Cấp công trình: Hạng mục nhà văn hóa: Công trình dân dụng, cấp IV; hạng mục hệ thống chiếu sáng: Công trình kỹ thuật hạ tầng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: các xã Ngư Lộc, Minh Lộc, huyện Hậu Lộc; xã Hoàng Thanh, huyện Hoằng Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo quản lý khai thác thủy sản ven bờ được bền vững thông qua việc thực hiện các mô hình đồng quản lý hoạt động khai thác thủy sản ven bờ đặc biệt là những khu vực có đa dạng sinh học cao hoặc khu vực là môi trường sống quan trọng cho các loài thủy sinh.

6. Nội dung đầu tư và quy mô đầu tư xây dựng:

6.1. Tổ đồng quản lý Ngư Hưng, huyện Hậu Lộc:

Gồm xây dựng mới nhà văn hóa kết hợp nơi hội họp tổ đồng quản lý thôn Thắng Tây, xã Ngư Lộc và đường điện chiếu sáng nơi lên cá xã Ngư Lộc và xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc.

a) Nhà văn hóa thôn Thắng Tây, xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc:

Công trình quy mô 1 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 8,4x14,8 m, chiều cao công trình 6 m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,2 m. Tường xây gạch không nung, trát hoàn thiện, lăn sơn trực tiếp. Nền lát gạch ceramic 500x500 mm. Hệ thống cửa đi, cửa sổ tận dụng cửa đã có;

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn bê tông cốt thép (BTCT) đá 1x2 mác 200# dưới cột; móng băng xây đá hộc vữa XM mác 50# dưới tường, giằng móng bằng BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ thống khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn bằng BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình 220x300 mm và 220x450 mm, tiết diện cột điển hình 220x220 mm, sàn BTCT điển hình dày 100 mm;

Hệ thống điện được lấy từ nguồn điện hiện có của khu vực. Dây dẫn trong phòng cấp cho các thiết bị sử dụng dùng dây Cu/PVC (2x2,5) mm², Cu/PVC (2x1,5) mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

b) Đường điện chiếu sáng nơi lên cá xã Ngư Lộc và xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc: Xây dựng mới cột điện chiếu sáng dọc đê (bóng 150W, bóng compact 40W cột đèn mạ kẽm D90 liên căn 6,5 m; 7,5 m); móng cột bê tông, chôn sẵn bu lông,

tiếp địa liên kết với chân cột. Dây cáp điện chiếu sáng đi nổi bằng cáp vặn xoắn 2x35 mm², dây dẫn lên bóng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x4 mm².

6.2. Tổ đồng quản lý Minh Hải, huyện Hậu Lộc:

Xây dựng đường điện chiếu sáng nơi lên cá xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc: Xây dựng mới cột điện chiếu sáng dọc đê (bóng 250W, cột đèn mạ kẽm D90 liên căn đơn 7 m); móng cột bê tông, chôn sẵn bu lông, tiếp địa liên kết với chân cột. Dây cáp điện chiếu sáng đi nổi bằng cáp vặn xoắn 2x35 mm², dây dẫn lên bóng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x4 mm².

6.3. Tổ đồng quản lý Thanh Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa:

Xây dựng mới nhà văn hóa kết hợp nơi hội họp tổ đồng quản lý thôn Đông Tây Hải, xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa.

Công trình quy mô 1 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 7x15 m, chiều cao công trình 5,13 m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,2 m. Tường xây gạch không nung, trát hoàn thiện, lăn sơn trực tiếp. Nền lát gạch ceramic 400x400 mm. Mái lợp tôn trên hệ xà gồ, vì kèo thép hình, tường thu hồi, phần sàn sẽ nổi lạng vừa tạo dốc. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa gỗ pa nô kính dày 5 mm, hoa sắt cửa sổ dùng sắt vuông kích thước 10x10 mm;

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200# dưới cột; móng băng xây đá hộc vữa XM mác 50# dưới tường, giằng móng bằng BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ thống khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn bằng BTCT đá 1x2 mác 200# đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình 220x250 mm, tiết diện cột điển hình 220x220 mm, sàn BTCT điển hình dày 100 mm;

Hệ thống điện được lấy từ nguồn điện hiện có của khu vực. Dây dẫn trong phòng cấp cho các thiết bị sử dụng dùng dây Cu/PVC (2x2,5) mm², Cu/PVC (2x1,5) mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

7. Giải phóng mặt bằng: Công trình xây dựng trên nền công trình cũ, các xã tham gia dự án cam kết bố trí mặt bằng để thực hiện xây dựng công trình.

8. Tổng mức đầu tư: 1.498.747.000 đồng;

Trong đó:

Chi phí xây dựng	1.157.036.411	đồng;
Chi phí quản lý dự án	32.669.937	đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD	178.808.931	đồng;
Chi phí khác	58.863.282	đồng;
Chi phí dự phòng	71.368.928	đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn: Vốn quỹ môi trường toàn cầu (GEF), vốn đối ứng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Không quá 02 năm (2017 – 2019).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

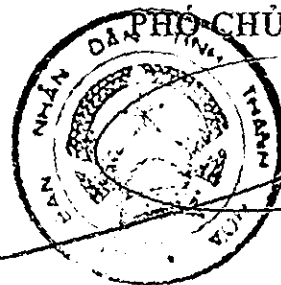
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Giám đốc Ban quản lý Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: -

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- BQL Trung ương, Dự án CRSD;
- Lưu: VT, NN.(A281)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu chi tiết: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Công trình: Nâng cấp văn phòng tổ đồng quản lý và hệ thống chiếu sáng tại bến cá
thuộc Dự án: "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững", vay vốn WB**

(Kèm theo Quyết định số: 2046/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền		
			Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	G_{XD} = 1+2	1.051.851.283	105.185.128	1.157.036.411
1	Công trình dân dụng	G _{DD} = 1.1+1.2	695.045.455	69.504.545	764.550.000
1.1	Nhà văn hóa thôn Đông Tây Hải	Chi tiết	316.327.273	31.632.727	347.960.000
1.2	Nhà văn hóa thôn Thắng Tây	Chi tiết	378.718.182	37.871.818	416.590.000
2	Công trình hạ tầng kỹ thuật	G _{HTKT} = 2.1 + 2.2	356.805.828	35.680.583	392.486.411
2.1	Điện chiếu sáng bến cá xã Minh Lộc	Chi tiết	173.639.907	17.363.991	191.003.898
2.2	Điện chiếu sáng bến cá xã Ngư Lộc	Chi tiết	183.165.921	18.316.592	201.482.513
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	G_{QLDA} = 1+2	32.669.937		32.669.937
1	Công trình dân dụng	3.282% x (G _{DD}) trước VAT	22.811.392		22.811.392
2	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2.763% x (G _{HTKT}) trước VAT	9.858.545		9.858.545
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	G_{TV} = 1+...+7	162.864.348	15.944.583	178.808.931
1	Chi phí khảo sát	Theo Quyết định số 929/QĐ-SNN&PTNT ngày 17/11/2016	50.507.273	5.050.727	55.558.000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kế thuật	2.1+2.2	65.872.693	6.587.269	72.459.962
2.1	Công trình dân dụng	6.5% x (G _{DD}) trước VAT	45.177.955	4.517.795	49.695.750
2.2	Công trình hạ tầng kỹ thuật	5.8% x (G _{HTKT}) trước VAT	20.694.738	2.069.474	22.764.212

3	Chi phí thẩm định thiết kế (TT 210/2016)	$0.165\% \times (G_{XD})$ trước VAT	1.735.555		1.735.555
4	Chi phí thẩm định dự toán (TT 210/2016)	$0.16\% \times (G_{XD})$ trước VAT	1.682.962		1.682.962
5	Chi phí lập HSMT và ĐG HSDT xây lắp	$0.432\% \times (G_{XD})$ trước VAT	4.543.998	454.400	4.998.397
6	Chi phí giám sát thi công XD.	6.1+6.2	31.987.881	3.198.788	35.186.669
6.1	Công trình dân dụng	$3.285\% \times (G_{DD})$ trước VAT	22.832.243	2.283.224	25.115.468
6.2	Công trình hạ tầng kỹ thuật	$2.566\% \times (G_{KHTT})$ trước VAT	9.155.638	915.564	10.071.201
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư	$20\% \times G_{QLDA}$	6.533.987	653.399	7.187.386
IV	CHI PHÍ KHÁC	$G_K = 1+...+6$	55.276.057	3.587.225	58.863.282
1	Chi phí hạng mục chung	1.1+1.2	35.030.766	3.503.077	38.533.842
1.1	Công trình dân dụng	$3.5\% \times (G_{DD})$ trước VAT	24.326.591	2.432.659	26.759.250
1.2	Công trình hạ tầng kỹ thuật	$3.0\% \times (G_{KHTT})$ trước VAT	10.704.175	1.070.417	11.774.592
2	Lệ phí thẩm định BC KT-KT (TT 210/2016)	$0.019\% \times TMĐT$	284.762		284.762
3	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu XL (Theo ND số 63/2014/ND-CP)	Mức tối thiểu	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình (TT số 329/2016/TT-BTC)	$0.08\% \times TMĐT$	841.481	84.148	925.629
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)	Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013	10.000.000		10.000.000
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (TT số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016)	$0.95\% \times TMĐT$	7.119.048		7.119.048
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}		-	71.368.928
1	Chi phí dự phòng	$(G_{XD}+G_{TV}+G_{QLDA}+G_K) \times 5\%$			71.368.928
	TỔNG CỘNG (LÀM TRÒN)				1.498.747.000